

Bản án số: 552/2021/HS-PT

Ngày: 31 - 12 - 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường

Các Thẩm phán: Ông Trương Minh Tuấn

Ông Phạm Việt Cường

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:* Ông Lê Ra - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 199/2020/TLPT-HS ngày 17-6-2020 đối với bị cáo Nguyễn Đình Q và đồng phạm về các tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Do có kháng cáo của các bị cáo và kháng nghị đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2020/HSST ngày 18-5-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 690/2021/QĐXXPT-HS ngày 08/12/2021.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Đình Q (tên gọi khác là Q nhóc), sinh năm 1992 tại Đắk Lắk; nơi ĐKKHKT: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và con bà Nguyễn Thị X; có vợ là Lê Thị N A (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

Ngày 19/11/2010 có hành vi cố ý gây thương tích, ngày 08/12/2011 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk khởi tố về tội “Cố ý gây thương tích”, ngày 12/3/2012 Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đình chỉ xét xử đối với bị cáo vì bị hại rút đơn yêu cầu khởi tố.

Ngày 14/8/2012 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Bản án số 306/2012/HSPT.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/6/2017, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Văn K, sinh năm 1976 tại Hà Tĩnh; nơi ĐKKHKT: tỉnh Hà Tĩnh;

nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B và con bà Hoàng Thị C; bị cáo có vợ là Nguyễn Thị A và có 02 con, con lớn sinh năm 2000 và con nhỏ sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/6/2017, có mặt tại phiên tòa.

3. Bùi Quốc Đ, sinh năm 1989 tại Đắk Lắk; nơi cư trú: tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Cắt tóc; trình độ văn hóa: 10/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Quốc U và con bà Nguyễn Thị M; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 07/02/2018, có mặt tại phiên tòa.

4. Lê Công V, sinh năm 1984 tại Đắk Lắk; nơi ĐKHKTT: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Phụ xe; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Công C và con bà Nguyễn Thị L; bị cáo có vợ là Nguyễn N Đan P và có 02 con, con lớn sinh năm 2013 và con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam ngày 07/02/2018, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Đình Q, Nguyễn Văn K, Bùi Quốc Đ, Lê Công V: Luật sư Nguyễn Văn K - Văn phòng luật sư B, Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đình Q làm nghề kinh doanh dịch vụ cho thuê xe ô tô tự lái tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và có nhờ Nguyễn Văn K, Bùi Quốc Đ, Lê Công V và Hoàng Văn T cùng phụ giúp. Tháng 8/2016, Q quen biết anh Nguyễn Đức H (sinh năm 1979, trú tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) cũng làm nghề kinh doanh cho thuê xe ô tô tự lái và gia đình anh H có 03 xe ô tô, gồm: Xe nhãn hiệu Chevrolet Aveo biển số 47A-113.92 (do vợ chồng anh H nhờ ông Y là chú vợ đứng tên chủ sở hữu), xe nhãn hiệu Toyota Innova biển số 47A-094.23 (do anh H đứng tên chủ sở hữu) và xe nhãn hiệu Toyota Fortuner biển số 47A-141.52 (do chị H là vợ anh H đứng tên chủ sở hữu). Vì vậy, Q đã thuê xe của anh H rồi về cho thuê lại với giá cao hơn để hưởng tiền chênh lệch. Lúc đầu thuê xe, Q nói với anh H là về để sử dụng việc cá nhân và có lập hợp đồng thuê xe. Tuy nhiên, sau này do thuê xe thường xuyên nên Q nói cho anh H biết là về cho thuê lại để hưởng chênh lệch và không lập hợp đồng. Q thỏa thuận với anh H thuê xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet Aveo biển số 47A-113.92 với giá 500.000đồng/1 ngày, xe nhãn hiệu Toyota Fortuner biển số 47A-141.52 là 800.000đồng/1 ngày, xe nhãn hiệu Toyota Innova biển số 47A-094.23 là 600.000đồng/1 ngày. Lần đầu Q đều trả xe và tiền thuê cho anh H đúng hạn, nhưng sau đó Q một mình hoặc cùng với Nguyễn Văn K, Bùi Quốc Đ, Lê Công V và Hoàng Văn T đã lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt 03 chiếc xe ô tô nói trên của anh H,

cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Tháng 01/2017, do anh Vạng Tâm T (sinh năm 1978, trú tại tỉnh Khánh Hòa) nợ Q số tiền 260.000.000 đồng nhưng không có tiền trả cho Q, vì vậy anh T nói với Q chuộc chiếc xe ô tô hiệu Suzuki Vitara biển số 79A-138.24 của anh T đang cầm cố ở thành phố C, tỉnh Khánh Hòa về sử dụng, khi nào anh T có tiền trả cho Q thì sẽ lấy xe về. Do không có tiền để chuộc xe ô tô của anh T nên Q đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe ô tô Chevrolet Aveo biển số 47A-113.92 đang thuê của anh H. Tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, Q đã bàn bạc với Nguyễn Văn K, Bùi Quốc Đ, Lê Công V làm giả giấy tờ xe ô tô này để cầm cố lấy tiền tiêu xài và chuộc chiếc xe ô tô của anh T thì được tất cả đồng ý. Q lên mạng Internet tìm hiểu và liên hệ với đối tượng tên H ở Thành phố Hồ Chí Minh (chưa xác định được nhân thân, lai lịch và địa chỉ cụ thể) làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 47A-113.92 mang tên Nguyễn Đình Q với giá 7.000.000 đồng. Đến ngày 18/01/2017, Q cùng với K điều khiển xe ô tô này từ thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đến thành phố N, tỉnh Khánh Hòa gặp anh T để nhờ tìm chỗ cầm xe. Anh T đưa Q và K đến tiệm cầm đồ của anh Nguyễn Tấn T (sinh năm 1979, trú tại tỉnh Khánh Hòa) cầm xe với số tiền 200.000.000 đồng. Sau đó, Q cho anh T 10.000.000 đồng, K 10.000.000 đồng, V 8.000.000 đồng và Đ 5.000.000 đồng, số tiền còn lại Q chuộc xe ô tô của anh T về sử dụng.

Lần thứ hai: Đầu tháng 02/2017, anh H yêu cầu Q đưa xe ô tô Chevrolet Aveo biển số 47A-113.92 về để kiểm tra. Do không có tiền để chuộc xe về trả cho anh H nên Q nảy sinh ý định làm giả giấy tờ xe ô tô Toyota Innova biển số 47A-094.23 đang thuê của anh H đưa đi thế chấp để lấy tiền chuộc xe ô tô Chevrolet Aveo biển số 47A-113.92. Sau đó, Q gặp K, Đ, V và T tại phòng trọ của K ở thành phố B, tỉnh Đắk Lắk bàn bạc việc nhờ người làm giả giấy tờ xe ô tô biển số 47A-094.23 để cầm cố lấy tiền thì tất cả đồng ý. Q bảo Đ cung cấp thông tin cá nhân của Đ, còn K đưa hình ảnh của K để Q nhờ người làm giả Giấy chứng minh nhân dân và Giấy chứng nhận đăng ký xe giả. Q liên hệ với đối tượng tên H thuê làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 47A-094.23 và Giấy chứng minh nhân dân đều mang tên Bùi Quốc Đ với giá 7.000.000 đồng. Đến ngày 05/02/2017, Q điện thoại nói K và T chạy xe ô tô biển số 47A-094.23 đến thành phố N, tỉnh Khánh Hòa gặp V và Đ để tìm nơi cầm xe rồi đón Q tại sân bay C (do Q đi Thành phố Hồ Chí Minh để lấy giấy tờ giả về thành phố C). Khi gặp nhau tại khách sạn D ở thành phố N, tỉnh Khánh Hòa, Q đưa Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 47A-094.23 và Giấy chứng minh nhân dân giả mang tên Bùi Quốc Đ nhưng ảnh trong Giấy chứng minh nhân dân là của Nguyễn Văn K cho cả bọn xem. Sau đó, V điện cho anh Lê Đ (sinh năm 1982, trú tại thành phố N) là người lái xe taxi nhờ dẫn đi tìm tiệm cầm xe thì anh Đ đồng ý. Anh Đ dẫn K, T và V đưa xe ô tô biển số 47A-094.23 đến tiệm cầm đồ của anh Lê Văn Đ (sinh năm 1971, trú tại thành phố N) để cầm xe. Tại đây, K giới thiệu

với anh Đ là chủ xe và sau khi kiểm tra xe, giấy tờ thấy chính chủ nên anh Đ đồng ý cầm xe với giá 250.000.000 đồng trong thời hạn 10 ngày. Do không đủ tiền nên anh Đ đưa trước cho K 150.000.000 đồng và hẹn ngày hôm sau đưa hết số tiền còn lại. Sau đó, K về khách sạn đưa số tiền này cho Q thì Q nói K ở lại gặp anh Đ lấy số tiền còn lại và đưa cho K 4.000.000 đồng. Sau khi về thành phố B, Q đưa cho V 20.000.000 đồng, Đ 10.000.000 đồng, T 5.000.000 đồng và đưa cho anh Đ 9.000.000 đồng (gồm 7.000.000 đồng tiền công Đ, V thuê xe anh Đ tại thành phố N để đi lại, tiền công chở về tỉnh Đắk Lắk và cho anh Đ thêm 2.000.000 đồng). Ngày 06/02/2017, anh Đ đưa 100.000.000 đồng còn lại cho K và K chuyển vào tài khoản cho Q. Khi K về thành phố B, Q đưa thêm cho K 14.000.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6 (do Q dùng tiền cầm cố xe mua với giá 6.000.000 đồng). Số tiền còn lại, Q dùng vào việc cá nhân mà không chuộc chiếc xe ô tô hiệu Chevrolet Aveo biển số 47A-113.92 về trả cho anh H. Hết hạn cầm xe, anh Đ đã nhiều lần gọi điện yêu cầu K chuộc xe thì K hỏi thúc Q nhưng Q đưa ra nhiều lý do không chuộc xe về. Do không có tiền tiêu xài nên Khánh đã tự ý thỏa thuận bán chiếc xe ô tô này cho anh Đ với giá 365.000.000 đồng, trong đó trừ số tiền cầm xe đã nhận là 250.000.000 đồng, trừ tiền lãi 65.000.000 đồng và sau khi làm xong thủ tục sang tên đổi chủ xe thì anh Đ sẽ trả số tiền còn lại 50.000.000 đồng. Một thời gian sau, K muốn lấy số tiền còn lại 50.000.000 đồng nên đã nói dối với anh Đ là cần tiền để làm thủ tục sang tên đổi chủ xe nên anh Đ đã đưa cho K 03 lần với tổng số tiền 30.000.000 đồng và K đã sử dụng tiêu xài cá nhân.

Ngày 13/5/2017, anh Đ cho anh Đ thuê xe ô tô biển số 47A-094.23 để chạy taxi. Ngày 14/5/2017, anh Đ cho anh Ngô Trường C (sinh năm 1977, trú tại nhà số thành phố N, tỉnh Khánh Hòa) thuê xe ô tô này để đi dự đám cưới tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Khi anh C điều khiển xe ô tô đến địa bàn tỉnh Đắk Lắk thì bị Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk kiểm tra, tạm giữ xe cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe vì nghi giấy tờ xe là giả và sau đó chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk xác minh làm rõ.

Lần thứ ba: Ngày 12/02/2017, Nguyễn Đình Q sử dụng xe ô tô biển số 79A-138.24 thế chấp cho anh Đặng Thế C (sinh năm 1974, trú tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) lấy số tiền 400.000.000 đồng tiêu xài cá nhân. Đến đầu tháng 3/2017, Q tiếp tục nảy sinh ý định làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô Toyota Fortuner biển số 47A-141.52 đang thuê của anh H để nhằm mục đích thay thế chiếc xe ô tô biển số 79A-138.24 ra để cầm cố cho người khác với số tiền cao hơn. Sau đó, Q tiếp tục liên hệ với đối tượng tên H làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 47A-141.52 mang tên chủ sở hữu là chị H (vợ anh H) với giá 7.000.000 đồng rồi đưa xe ô tô này cùng Giấy chứng nhận đăng ký xe giả cho anh C và lấy xe ô tô biển số 79A - 138.24 về thế chấp cho người khác.

Do đã nhiều lần yêu cầu trả xe nhưng Q không thực hiện, nên ngày 18/3/2017

anh H kiểm tra định vị của 03 chiếc xe ô tô đã cho Q thuê và phát hiện hệ thống định vị của xe không hoạt động nên đã hỏi Q thì Q thừa nhận đã mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. Vì vậy, anh H yêu cầu Q lập và ký 03 hợp đồng thuê xe, đồng thời viết giấy cam đoan với nội dung “Ngày 25/3/2017 Q trả xe ô tô biển số 47A-094.23, ngày 30/3/2017 trả xe ô tô biển số 47A-113.92 và ngày 05/4/2017 trả xe biển số 47A-141.52” nhưng Q không thực hiện nên anh H đã làm đơn tố cáo hành vi của Q.

Lần thứ tư: Ngoài hành vi cùng đồng bọn lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt 03 chiếc xe ô tô của vợ chồng anh Nguyễn Đức H thì Nguyễn Đình Q còn lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato biển số 47A-170.95 của bà Nguyễn Thị M (sinh năm 1967, trú tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk), cụ thể như sau:

Ngày 08/12/2016, Q cầm chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato biển số 47A-170.95 (xe do Q đứng tên chủ sở hữu) cho anh Nguyễn Hoàng N (sinh năm 1996, trú tại thành phố B) với số tiền 250.000.000 đồng trong thời gian 01 tháng, lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày; đồng thời, hai bên thỏa thuận nếu Q không trả tiền gốc và lãi cho anh N đúng thời hạn thì anh N được quyền xác lập quyền sở hữu và bán xe ô tô trên. Sau đó, Q cùng anh N đến Văn phòng công chứng Đ ở thành phố B lập hợp đồng bán xe ô tô biển số 47A-170.95 cho anh N và hợp đồng Q thuê lại xe ô tô trên của anh N trong thời gian 01 tháng với số tiền 9.000.000 đồng. Ngày 08/01/2017, Q trả tiền lãi cho anh N 15.000.000 đồng và xin gia hạn thời gian cầm xe ô tô thêm 01 tháng thì anh N đồng ý. Ngày 08/02/2017, Q tiếp tục trả tiền lãi cho anh N và xin gia hạn thời gian cầm xe thêm 01 tháng, nhưng anh N không đồng ý và yêu cầu Q trả hết số tiền 250.000.000 đồng tiền gốc, nếu không phải giao lại xe ô tô biển số 47A-170.95 cho anh N để thanh lý theo thỏa thuận, nhưng Q không trả tiền gốc và cũng không giao chiếc xe trên cho anh N. Do hết thời hạn cầm xe nên ngày 22/02/2017 anh N làm hợp đồng bán xe này cho bà Nguyễn Thị M (mẹ của anh N) và ngày 23/02/2017, Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận đăng ký chủ sở hữu xe ô tô trên cho bà M. Trong thời gian này, Q không trả xe mà nảy sinh ý định chiếm đoạt xe ô tô này của bà M. Q thuê đối tượng H làm giả Giấy chứng nhận đăng ký chủ sở hữu xe ô tô biển số 47A-170.95 mang tên Q. Ngày 26/02/2017, Q đưa xe ô tô biển số 47A -170.95 và Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả cầm cho anh Thái T (sinh năm 1983 là chủ dịch vụ cầm đồ “X” tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) với số tiền 330.000.000 đồng, lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày, thời hạn là 01 tháng. Sau khi cầm xe Q không trả tiền gốc và tiền lãi nên anh T đã bán xe cho bà Hồ Thị Như N (sinh năm 1989, trú tại thành phố B). Ngày 13/4/2017, Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk làm thủ tục để cấp Giấy chứng nhận đăng ký chủ sở hữu xe cho bà N thì phát hiện hồ sơ mua bán xe ô tô biển số 47A-170.95 của bà N có dấu hiệu làm giả nên đã tạm giữ hồ sơ, xe ô tô và giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đắk Lắk để xử lý theo thẩm quyền.

\* Tại Bản giám định số: 335/PC54 ngày 10/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận:

+ Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 018700 ghi Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 13/6/2016, tên chủ xe Bùi Quốc Đ, biển số 47A-094.23 là chứng nhận đăng ký xe ô tô giả.

+ Giấy chứng minh nhân dân số 241243609 ghi Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 04/6/2015, họ tên Bùi Quốc Đ, sinh ngày 22/9/1985; nguyên quán Hà Tĩnh; nơi ĐKKH thường trú: Đắk Lắk là Giấy chứng minh nhân dân giả.

\* Tại Bản giám định số: 456/PC54 ngày 22/8/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 015436 ghi Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 22/02/2016, tên chủ xe H, biển số 47A-141.52 là Chứng nhận đăng ký xe ô tô giả.

\* Tại Bản giám định số: 528/PC54 ngày 09/09/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 007978 ghi Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 07/5/2015, tên chủ xe Nguyễn Đình Q, biển số đăng ký 47A-113.92 là Chứng nhận đăng ký xe ô tô giả.

\* Tại Bản giám định số: 293/PC54 ngày 31/5/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 023711 ghi Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 31/11/2016, tên chủ xe Nguyễn Đình Q, biển số xe 47A-170.95 (ký hiệu A1) là Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả.

\* Tại Bản giám định số: 294/PC54 ngày 13/6/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận:

+ Chữ kí, chữ viết mang tên Nguyễn Đình Q dưới mục “Bên A” trong “HỢP ĐỒNG MUA BÁN XE” (ký hiệu A1) do Phòng Tư pháp huyện R chứng thực ngày 10/4/2017 so với chữ kí, chữ viết đứng tên Nguyễn Đình Q trong các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M4, M5, M6 là không phải do cùng một người kí và viết ra.

+ Chữ kí, chữ viết mang tên Hồ Thị Như N dưới mục “Bên B” trong “HỢP ĐỒNG MUA BÁN XE” (ký hiệu A1) do Phòng Tư pháp huyện R chứng thực ngày 10/4/2017 so với chữ kí, chữ viết đứng tên Hồ Thị Như N trong các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, M2 là không phải do cùng một người kí và viết ra.

\* Tại Bản định giá tài sản số: 1335/KLĐG-STC ngày 09/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận: Xe ô tô biển số 47A-094.23, chất lượng còn lại 65%, giá trị còn lại là 350.000.000 đồng.

\* Tại Bản định giá tài sản số: 1726/KLĐG-STC ngày 11/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận:

+ Xe ô tô biển số 47A-141.52 chất lượng còn lại 60%, giá trị còn lại là 580.000.000 đồng;

+ Xe ô tô biển số 47A- 113.92 chất lượng còn lại 70%, giá trị còn lại là

330.000.000 đồng.

\* Tại Bản định giá tài sản số: 209/KLĐG ngày 04/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: Xe ô tô biển số 47A -170.95 trị giá 305.0000.000 đồng.

\* Tại Bản định giá tài sản số: 2725/KLĐG-HĐĐG ngày 30/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk kết luận:

+ Điện thoại I Phone 6 màu xám, số IMEI 356976063921028, chất lượng còn lại 80%, giá trị còn lại 3.200.000 đồng.

+ Điện thoại Huawei màu bạc, số IMEI 860906037764070 chất lượng còn lại 70%, giá trị còn lại 2.800.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2020/HSST ngày 18-5-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

[1] Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Đình Q (tên khác: Q nhóc), Nguyễn Văn K, Bùi Quốc Đ, Lê Công V và Hoàng Văn T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

[2] Điều luật áp dụng và hình phạt:

[2.1] Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 4 Điều 175; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 1 Điều 55; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Nguyễn Đình Q (Q nhóc) 17 (mười bảy) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Đình Q phải chấp hành là 22 (hai mươi hai) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/6/2017.

[2.2] Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 4 Điều 175; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 1 Điều 55; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Nguyễn Văn K 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Văn Khánh phải chấp hành là 18 (mười tám) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/6/2017.

[2.3] Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 4 Điều 175; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 1 Điều 55; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bùi Quốc Đ 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và 04 (bốn) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Bùi Quốc Đ phải chấp hành là 16 (mười sáu) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bắt tạm giữ, tạm giam ngày 07/02/2018.

[2.4] Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 4 Điều 175; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 1 Điều 55; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Lê Công V 12 (mười hai) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và 04 (bốn) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lê Công V phải chấp hành là 16 (mười sáu) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bắt tạm giữ, tạm giam ngày 07/02/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần hình phạt đối với bị cáo khác trong vụ án, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 22/5/2020 bị cáo Bùi Quốc Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 26/5/2020 các bị cáo Nguyễn Văn K, Nguyễn Đình Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 28/5/2020 bị cáo Lê Công V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 01/6/2020 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 16/QĐ-VKS-P2 kháng nghị một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2020/HSST ngày 18/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk với nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm để sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm theo hướng không áp dụng điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 mà áp dụng điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999 (nay là điểm b khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015) về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” đối với các bị cáo Nguyễn Đình Q, Nguyễn Văn K, Bùi Quốc Đ, Lê Công V; đồng thời, giảm hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Đình Q, Nguyễn Văn K, Lê Công V, Bùi Quốc Đ về tội này. Giảm hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Đình Q về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

Vào các ngày 22, 26, 28 tháng 5 năm 2020 các bị cáo Bùi Quốc Đ, Nguyễn Văn K, Nguyễn Đình Q, Lê Công V kháng cáo và ngày 01/6/2020 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk kháng nghị phúc thẩm Bản án hình sự sơ thẩm số



37/2020/HSST ngày 18-5-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Như vậy, kháng cáo và kháng nghị nêu trên là trong thời hạn luật định. Các bị cáo không rút kháng cáo và đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng không rút kháng nghị, do đó Hội đồng xét xử xem xét kháng cáo và kháng nghị theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo, kháng nghị:

[2.1] Về tội danh:

Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các bị cáo Nguyễn Đình Q, Nguyễn Văn K, Bùi Quốc Đ, Lê Công V đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình thể hiện: Cuối năm 2016, bị cáo Nguyễn Đình Q thuê 03 chiếc xe ô tô của vợ chồng anh Nguyễn Đức H và chị H để cho người khác thuê lại với giá cao hơn nhằm hưởng chênh lệch; sau đó, Q đã nảy sinh ý định chiếm đoạt các xe ô tô đã thuê. Để thực hiện hành vi phạm tội, Nguyễn Đình Q khởi xướng và rủ rê, bàn bạc với Nguyễn Văn K, Bùi Quốc Đ, Lê Công V và Hoàng Văn T dùng thủ đoạn làm giả các Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô đã thuê của anh H, sau đó đưa đi cầm cố để lấy tiền chiếm đoạt chia nhau tiêu xài cá nhân và được tất cả đồng ý. Trong thời gian từ tháng 01 đến tháng 3 năm 2017, Nguyễn Đình Q cùng Nguyễn Văn K, Bùi Quốc Đ, Lê Công V và Hoàng Văn T đã làm giả các Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô rồi cầm cố các xe ô tô hiệu Chevrolet Aveo biển số 47A-113.92; xe ô tô hiệu Toyota Innova biển số 47A-094.23 được số tiền 450.000.000 đồng và chiếm đoạt chia nhau tiêu xài cá nhân; trong đó bị cáo Đ được chia 15.000.000 đồng, bị cáo V được chia 28.000.000 đồng, bị cáo T được chia 5.000.000 đồng, bị cáo K được chia 28.000.000 đồng và 01 điện thoại Iphone 6, sau đó bị cáo K còn lấy thêm từ anh Lê Văn Đ (là người cầm cố xe ô tô biển số 47A-094.23) số tiền 30.000.000 đồng. Tiếp đó, bị cáo Q làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hiệu Toyota Fortuner biển số 47A-141.52, rồi dùng xe ô tô này thay thế chiếc xe ô tô biển số 79A-138.24 đã thế chấp trước đó cho anh Đặng Thế Cường lấy số tiền 400.000.000 đồng chiếm đoạt. Ngoài ra, bị cáo Q còn làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato biển số 47A-170.95 đứng tên chủ sở hữu là bà Nguyễn Thị M và mang đi cầm cố cho anh Thái T để lấy số tiền là 330.000.000 đồng chiếm đoạt. Với hành vi phạm tội nêu trên của các bị cáo, Tòa án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Đình Q, Nguyễn Văn K, Bùi Quốc Đ, Lê Công V, Hoàng Văn T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Điều 175 và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” theo Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng tội.

[2.2] Về điều luật áp dụng:

Bị cáo Nguyễn Đình Q tham gia cùng đồng bọn chiếm đoạt 04 xe ô tô với tổng giá trị là 1.565.000.000 đồng là gây hậu quả “đặc biệt nghiêm trọng”. Các bị cáo Nguyễn Văn K, Bùi Quốc Đ, Lê Công V cùng tham gia chiếm đoạt 02 xe ô tô với tổng giá trị là 680.000.000 đồng là gây hậu quả “rất nghiêm trọng”.

Bị cáo Nguyễn Đình Q tham gia cùng đồng bọn làm giả 04 vụ với 04 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và 01 Giấy chứng minh nhân dân dùng để chiếm đoạt tài sản. Các bị cáo Nguyễn Văn K, Bùi Quốc Đ, Lê Công V cùng tham gia làm giả 02 vụ với 02 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô và 01 Giấy chứng minh nhân dân dùng để chiếm đoạt tài sản.

Xét thấy, thời điểm các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là trước khi Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có hiệu lực thi hành. Đồng thời, tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức” theo Điều 175, Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 được quy định nhẹ hơn Điều 140, Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999. Do đó, Tòa án sơ thẩm đã áp dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội và khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xét xử các bị cáo Nguyễn Đình Q, Nguyễn Văn K, Bùi Quốc Đ, Lê Công V theo khoản 4 Điều 175 và điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

#### [2.3] Về mức hình phạt:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của các bị hại; đồng thời, còn trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý hành chính, sự hoạt động bình thường và uy tín của cơ quan Nhà nước, tổ chức, xâm phạm các lợi ích của Nhà nước, của tổ chức và của công dân, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội tại địa phương. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng. Bị cáo Nguyễn Đình Q có nhân thân xấu; các bị cáo đều phạm tội hai lần trở lên và là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định, đánh giá tính chất, mức độ, vai trò hành vi phạm tội của từng bị cáo; nhân thân và hậu quả của tội phạm gây ra và áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng các bị cáo theo quy định của pháp luật và xử phạt các bị cáo: Nguyễn Đình Q (Q nhóc) 22 (hai mươi hai) năm 06 (sáu) tháng tù, Nguyễn Văn K 18 (mười tám) năm tù, Bùi Quốc Đ 16 (mười sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, Lê Công V 16 (mười sáu) năm tù đều về hai tội là có căn cứ, đúng pháp luật và thỏa đáng.

Sau khi xét xử sơ thẩm: Gia đình bị cáo Nguyễn Đình Q nộp chứng cứ mới về việc bồi thường số tiền 10.000.000đ theo Biên lai thu tiền số 0003857 ngày 20/4/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk; gia đình bị cáo Bùi Quốc Đ nộp chứng cứ mới về việc bồi thường số tiền 9.452.220đ theo Biên lai thu tiền số 0003860 ngày 23/4/2021 và số tiền 672.601đ án phí HSST, DSST theo Biên lai thu tiền số 0003859 ngày 23/4/2021 đều của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Mặc dù, tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các bị cáo Nguyễn Đình Q, Bùi Quốc Đ có tình tiết mới giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là bồi thường; các bị cáo Nguyễn Văn

K, Lê Công V không có tình tiết mới giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, xét thấy với những nội dung đã được phân tích nêu trên về hành vi phạm tội và hậu quả gây ra, cũng như trách nhiệm bồi thường cho các bị hại thì thấy số tiền bị cáo Q, Đ bồi thường sau khi xét xử sơ thẩm là không đáng kể. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo và kháng nghị số 16/QĐ-VKS-P2 ngày 01/6/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Các bị cáo Nguyễn Đình Q, Nguyễn Văn K, Bùi Quốc Đ, Lê Công V và Hoàng Văn T ngoài các hành vi đã thực hiện về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại Điều 175 và Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đã được cấp sơ thẩm điều tra, truy tố và xét xử; các bị cáo còn có hành vi dùng các giấy tờ là Giấy chứng minh nhân dân và Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả để cầm cố lấy tài sản của các anh Lê Văn Đ số tiền 280.000.000 đồng, Nguyễn Tấn T số tiền 200.000.000 đồng, Đặng Thế C số tiền 400.000.000 đồng và ông Thái T với số tiền 330.000.000 đồng; tổng cộng các bị cáo đã dùng giấy tờ giả cầm cố cho những bị hại chiếm đoạt số tiền 1.210.000.000 đồng là có dấu hiệu phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 nhưng chưa được cấp sơ thẩm điều tra, truy tố và xét xử là bỏ lọt hành vi phạm tội của các bị cáo. Tội danh “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và hình phạt đối với các bị cáo độc lập đối với các tội đã được cấp sơ thẩm điều tra, truy tố và xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử không hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại theo quy định tại Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự, mà kiến nghị các cơ quan tố tụng hình sự cấp sơ thẩm tiếp tục điều tra khởi tố, truy tố và xét xử các bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với số tiền chiếm đoạt 1.210.000.000 đồng của những bị hại là anh Lê Văn Đ, Nguyễn Tấn T, Đặng Thế C và ông Thái T theo quy định của pháp luật.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Đình Q, Nguyễn Văn K, Bùi Quốc Đ, Lê Công V phải chịu theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Không nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đình Q, Nguyễn Văn K, Bùi Quốc Đ, Lê Công V và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Đình Q (tên khác: Q nhóc), Nguyễn Văn K, Bùi Quốc Đ, Lê Công V phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

3. Điều luật áp dụng và hình phạt:

[3.1] Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 4 Điều 175; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 1 Điều 55; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Nguyễn Đình Q (Q nhóc) 17 (mười bảy) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Đình Q phải chấp hành là 22 (hai mươi hai) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/6/2017.

[3.2] Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 4 Điều 175; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 1 Điều 55; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Nguyễn Văn K 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Văn Khánh phải chấp hành là 18 (mười tám) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/6/2017.

[3.3] Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 4 Điều 175; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 1 Điều 55; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bùi Quốc Đ 12 (mười hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và 04 (bốn) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Bùi Quốc Định phải chấp hành là 16 (mười sáu) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bắt tạm giữ, tạm giam ngày 07/02/2018.

[3.4] Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 4 Điều 175; điểm b khoản 3 Điều 341; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm a khoản 1 Điều 55; điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Lê Công V 12 (mười hai) năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và 04 (bốn) năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lê Công V phải chấp hành là 16 (mười sáu)

năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ bắt tạm giữ, tạm giam ngày 07/02/2018.

4. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc bị cáo Nguyễn Đình Q bồi thường số tiền 10.000.000đ theo Biên lai thu tiền số 0003857 ngày 20/4/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk; bị cáo Bùi Quốc Đ bồi thường số tiền 9.452.220đ theo Biên lai thu tiền số 0003860 ngày 23/4/2021 và số tiền 672.601đ án phí HSST, DSST theo Biên lai thu tiền số 0003859 ngày 23/4/2021 đều của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Số tiền bồi thường và nộp án phí HSST, DSST này sẽ được trừ đi đối với nghĩa vụ bồi thường của các bị cáo Nguyễn Đình Q, Bùi Quốc Đ theo quyết định của bản án sơ thẩm trong giai đoạn thi hành án.

5. Kiến nghị các cơ quan tố tụng hình sự tỉnh Đắk Lắk điều tra khởi tố, truy tố và xét xử đối với các bị cáo Nguyễn Đình Q, Nguyễn Văn K, Bùi Quốc Đ, Lê Công V và Hoàng Văn T về dấu hiệu phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

6. Án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Nguyễn Đình Q, Nguyễn Văn K, Bùi Quốc Đ, Lê Công V mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

(Đã ký)

**Trương Minh Tuấn**

**Phạm Việt Cường**

**Trần Quốc Cường**